

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 272/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1998; Địa chỉ: số 316, tổ 6, ấp T, xã T1, thị xã T, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Võ Văn S, sinh năm 1997; Địa chỉ: số 9, tổ 5, ấp Tân Phú, xã T2, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Th có mặt; anh S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày: Năm 2021, chị Th và anh S tự tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 03/2021 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S không quan tâm gia đình,

cuộc sống hôn nhân không phù hợp và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay. Chị Th yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn S.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh S không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn S trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như chị Th trình bày. Thời gian đầu, anh S và chị Th chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống xa nhau cho đến nay, tình cảm đối với chị Th đã hết nên anh S đồng ý ly hôn.

Về con chung, không có, tài sản chung và nợ chung, không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải về tình cảm do chị Th và anh S không đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T2 và Ủy ban nhân dân xã T1, thị xã T về việc chị Trần Thị Th và anh Võ Văn S không đăng ký kết hôn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa, chị Th và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Th và anh Võ Văn S là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; anh Võ Văn S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn S. Anh S có nơi cư trú tại tổ 5, ấp Tân Phú, xã T2, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2021, chị Th và anh S tự tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S không quan tâm gia đình, cuộc sống hôn nhân không phù hợp và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh S, anh S đồng ý ly hôn với chị Th.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T2 và Ủy ban nhân dân xã T1, thị xã T cho biết, chị Trần Thị Th và anh Võ Văn S không đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị Th và anh S chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị Trần Thị Th và anh Võ Văn S là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Th và anh Võ Văn S là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006379 ngày 15 tháng 06 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Văn S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Th có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Võ Văn S là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. T (02);
- Chi cục THADS TX. T (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương